

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	3703000188	ngày 2 tháng 3 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số	4200636590	ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 10 tháng 4 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
	Bà Trần Quốc Trang	Phó Chủ tịch (từ ngày 19 tháng 6 năm 2015)
	Ông Trầm Kim Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành Viên (từ ngày 14 tháng 9 năm 2015)
	Bà Hoàng Thị Thu Huyền	Thành viên (đến ngày 14 tháng 9 năm 2015)
	Ông Cáp Thành Dũng	Thành viên (từ ngày 11 tháng 11 năm 2014 đến ngày 15 tháng 5 năm 2015)
	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Thành viên (đến ngày 11 tháng 11 năm 2014)
	Ông Bùi Văn Lang	Thành viên (từ ngày 21 tháng 10 năm 2014 đến ngày 7 tháng 5 năm 2015)
	Ông Phan Vũ Hùng	Thành viên (đến ngày 21 tháng 10 năm 2014)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trầm Kim Dũng Ông Nguyễn Tiến Cường Ông Trần Quốc Thảo	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 5 năm 2015)
Ban Kiểm soát	Ông Phạm Cao Sơn Ông Lưu Mạnh Thức Ông Bùi Tấn Khải	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Thôn Phước Lâm Xã Ninh Xuân Thị xã Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 9 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo kiểm toán số: 14-01-914

Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2015

Nguyễn Cẩm Tú
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2193-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.074.231.413.202	1.110.021.558.423
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	383.065.213.383	22.460.781.583
Tiền	111		36.065.213.383	22.460.781.583
Các khoản tương đương tiền	112		347.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	2.000.000.000	144.000.000.000
Các khoản phải thu	130	8	325.703.330.721	578.457.900.153
Phải thu khách hàng	131		133.781.243.137	378.527.597.786
Trả trước cho người bán	132		127.142.297.367	186.904.350.071
Các khoản phải thu khác	135		64.940.093.940	14.493.167.390
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(160.303.723)	(1.467.215.094)
Hàng tồn kho	140	9	328.756.605.612	356.250.329.801
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.706.263.486	8.852.546.886
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		278.962.151	1.384.028.916
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.379.519.138	-
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		6.281.343.843	721.178.400
Tài sản ngắn hạn khác	158		766.438.354	6.747.339.570
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260 + 269)	200		931.474.891.049	1.084.906.104.436
Tài sản cố định	220		624.331.249.591	718.862.156.097
Tài sản cố định hữu hình	221	10	563.422.555.567	649.420.266.906
Nguyên giá	222		768.358.336.940	844.198.397.791
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(204.935.781.373)	(194.778.130.885)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	53.680.642.400	54.903.960.000
Nguyên giá	225		57.514.974.000	56.797.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.834.331.600)	(1.893.240.000)
Tài sản cố định vô hình	227	12	815.523.943	909.711.531
Nguyên giá	228		2.116.807.016	2.038.807.016
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.301.283.073)	(1.129.095.485)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	6.412.527.681	13.628.217.660
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	276.397.329.650	347.954.616.660
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		137.796.094.852	238.853.381.862
Đầu tư dài hạn khác	258		138.601.234.798	109.101.234.798

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tài sản dài hạn khác	260		28.094.268.869	13.846.062.977
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	20.989.215.869	13.755.562.977
Tài sản dài hạn khác	268		7.105.053.000	90.500.000
Lợi thế thương mại	269	16	2.652.042.939	4.243.268.702
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.005.706.304.251	2.194.927.662.859
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.029.722.881.659	1.189.462.156.385
Nợ ngắn hạn	310		898.735.408.249	998.354.637.937
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	778.666.274.553	772.672.822.036
Phải trả người bán	312	18	42.094.377.671	85.897.863.210
Người mua trả tiền trước	313		1.407.846.697	1.238.462.969
Thuế phải nộp Nhà nước	314	19	1.867.131.394	28.030.623.736
Phải trả người lao động	315		11.847.743.488	11.206.535.630
Chi phí phải trả	316	20	26.763.715.750	31.374.611.725
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	28.055.662.081	59.600.371.129
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	8.032.656.615	8.333.347.502
Vay và nợ dài hạn	330		130.987.473.410	191.107.518.448
Phải trả dài hạn khác	333		-	61.200.000
Vay và nợ dài hạn	334	23	123.516.575.211	183.962.620.249
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	24	7.470.898.199	7.083.698.199
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		974.036.429.521	959.264.914.046
Vốn chủ sở hữu	410	25	974.036.429.521	959.264.914.046
Vốn cổ phần	411	26	607.500.000.000	607.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	26	12.165.550.000	12.165.550.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		289.100.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		116.170.212.653	111.993.139.098
Quỹ dự phòng tài chính	418		22.454.528.292	18.371.956.237
Quỹ khác	419		-	(1.616.929.007)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		215.457.038.576	210.851.197.718
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	27	1.946.993.071	46.200.592.428
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		2.005.706.304.251	2.194.927.662.859

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	13.132.455.737	209.345.880

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trần Kim Dũng

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu	01	28	1.313.510.662.545	906.521.483.560
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	3.265.462.193	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	1.310.245.200.352	906.521.483.560
Giá vốn hàng bán	11	29	1.113.089.395.944	720.762.015.693
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		197.155.804.408	185.759.467.867
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	49.780.417.084	24.532.117.816
Chi phí tài chính	22	31	159.119.922.804	35.332.220.524
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>62.971.431.098</i>	<i>34.847.082.756</i>
Chi phí bán hàng	24		24.823.030.221	14.554.906.069
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		64.797.129.241	29.882.626.767
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(1.803.860.774)	130.521.832.323
Thu nhập khác	31	32	7.845.991.012	4.323.940.575
Chi phí khác	32	33	4.081.835.034	3.708.761.575
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.764.155.978	615.179.000
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, sau khi trừ phân bổ lợi thế thương mại	41	14	10.173.584.723	22.158.341.823
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		12.133.879.927	153.295.353.146
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	(4.656.374.902)	26.531.711.565
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	387.200.000	1.574.041.154
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		16.403.054.829	125.189.600.427

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.403.054.829	125.189.600.427
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	27	(3.992.132.163)	16.275.356.708
Chủ sở hữu của Công ty	62		20.395.186.992	108.914.243.719
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	336	1.793

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trần Kim Dũng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.133.879.927	153.295.353.146
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	73.682.906.700	35.549.040.948
Các khoản dự phòng	03	690.718.289	44.290.758
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05	(10.173.584.723)	(22.158.341.823)
Thu nhập lãi và cổ tức	05	(49.629.026.355)	(24.522.729.133)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	79.137.012	507.950.890
Lỗ từ thanh lý một công ty con	05	26.399.237.438	-
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	05	61.428.194.733	-
Chi phí lãi vay	06	62.971.431.098	34.847.082.756
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	177.582.894.119	177.562.647.542
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	218.194.624.962	(247.874.375.327)
Biến động hàng tồn kho	10	17.885.148.977	(264.450.080.046)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(14.685.682.776)	35.159.227.057
Biến động chi phí trả trước	12	(6.476.563.602)	(104.846.631)
		392.500.421.680	(299.707.427.405)
Tiền lãi vay đã trả	13	(64.699.141.620)	(29.240.834.087)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(33.958.322.366)	(10.696.467.230)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	16.248.338.587	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.316.627.886)	(6.346.941.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	296.774.668.395	(345.991.669.940)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(94.695.656.545)	(116.940.161.637)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.324.203.636	671.250.000
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn	23		(29.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư cho vay	24		122.000.000.000	18.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.719.980.800)	(27.085.078.050)
Thanh lý công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con đã thanh lý	25	5	(25.175.232.726)	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		59.902.677.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27		53.457.578.187	29.887.377.724
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		66.093.588.752	(95.466.611.963)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.011.055.012.401	1.050.435.490.030
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.974.860.770.818)	(909.036.717.347)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(8.372.166.930)	-
Tiền chi trả cổ tức	36		(30.375.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(2.552.925.347)	141.398.772.683

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		360.315.331.800	(300.059.509.220)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		22.460.781.583	322.520.290.803
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ			289.100.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	383.065.213.383	22.460.781.583

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thủy Tiên



Trần Kim Dũng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa - Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, các cổ đông đã thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu của Công ty. Trong đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa sẽ phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ hoán đổi 1:1. Kết quả là Công ty sẽ chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tại ngày lập báo cáo này, việc hoán đổi cổ phiếu này vẫn chưa hoàn tất.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 21 tháng 9 năm 2015, cổ phiếu của Công ty sẽ được hủy niêm yết từ ngày 28 tháng 10 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty trong Tập đoàn như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
<i>Các công ty con</i>				
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (“Nhiệt Điện Ninh Hòa”)	Sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	100%

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”)	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	62,92%	62,92%
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) (a)	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005.	-	51,68%
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company (“NHS PTE”)	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.	Giấy Chứng nhận Đầu tư Nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12 tháng 8 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	100%	-
<i>Các công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Mía đường 333 (“Đường 333”) (b)	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006.	-	42,1%

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”)	Sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.	Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997.	22,56%	22,56%

- (a) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Đường Phan Rang với giá là 21.719.980.800 VND và tăng tỷ lệ sở hữu trong Đường Phan Rang thêm 35,86%.

Sau đó, Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Đường Phan Rang. Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015.

- (b) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 25 tháng 12 năm 2014 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Đường 333. Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 2 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 496 nhân viên (30/6/2014: 655 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán các năm tiếp theo là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Theo đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (kỳ 6 tháng) và không thể so sánh được với các số liệu kỳ hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Các hoạt động ở ngoài nước

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(f) Trả trước cho người bán

Trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2014, Tập đoàn điều chỉnh thời gian hữu dụng ước tính để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình.

Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn trước và sau khi điều chỉnh như sau:

	Trước	Sau
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 28 năm	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm	5 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm	3 – 10 năm

Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong kỳ là đã làm tăng giá trị chi phí khấu hao 5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất là từ 6 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhận các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Dự phòng chi phí bảo trì trước mùa vụ

Trong những năm tài chính trước, Tập đoàn trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này nằm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Tập đoàn không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Tập đoàn cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Tập đoàn đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(t) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(u) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu bán điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các bên liên quan

Các cổ đông, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Thanh lý một công ty con

Việc thanh lý được mô tả trong Thuyết minh 1(a) có ảnh hưởng tới bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm thanh lý VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.175.232.726
Các khoản phải thu	64.387.950.491
Hàng tồn kho	9.608.575.212
Tài sản ngắn hạn khác	171.434.151
Tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang)	89.108.568.855
Tài sản dài hạn khác	369.977.475
Nợ phải trả ngắn hạn	(74.212.170.405)
Vay và nợ dài hạn	(31.451.067.174)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(10.490.375.893)
	<hr/>
Tổng chi phí thanh lý	73.668.125.438
	<hr/>
Lỗ từ việc thanh lý	(26.399.237.438)
	<hr/>
Tổng giá trị thanh lý	47.268.888.000
Trừ: số dư tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con đã thanh lý	(26.175.232.726)
Trừ: giá trị thanh lý còn phải thu	(46.268.888.000)
	<hr/>
Tiền thuần từ việc thanh lý, đã trừ đi số dư tiền của công ty con đã thanh lý	(25.175.232.726)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tiền mặt	207.054.407	328.561.978
Tiền gửi ngân hàng	35.858.158.976	22.132.219.605
Các khoản tương đương tiền	347.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	383.065.213.383	22.460.781.583

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	22.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho một bên liên quan vay	-	105.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho bên thứ ba vay	-	17.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.000.000.000	144.000.000.000

- (*) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 7% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 7% một năm).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 2 tỷ VND (30/6/2014: 22 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải thu từ các bên liên quan		
Thương mại	90.689.166.931	297.242.853.270
Phi thương mại	1.703.034.722	3.758.650.443

Khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 80.314 triệu VND (30/6/2014: 157.027 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không có đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân, và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 10% trong kỳ. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Tập đoàn sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng từ 20% đến 35% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 98 tỷ VND (30/6/2014: 107 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, không có khoản trả trước cho người bán được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (30/6/2014: 72 tỷ VND).

Trong kỳ, Tập đoàn đã cần trừ tổng cộng 427.989 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 352.728 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (a) Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (b)	-	5.679.720.000
Phải thu từ thanh lý cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang	46.268.888.000	-
Phải thu từ thanh lý cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (c)	5.000.000.000	-
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	1.306.250.000	1.828.750.000
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Khu công nghiệp Đặng Huỳnh vay	1.368.263.889	-
Lãi phải thu ngân hàng	345.772.221	-
Lãi phải thu do thanh toán chậm	586.854.166	1.590.608.776
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay	843.388.890	982.222.222
Phải thu khác	9.220.676.774	1.326.788.342
	<hr/>	<hr/>
	64.940.093.940	14.493.167.390

- (a) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HĐTC-ĐNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 Đô la Mỹ. Khoản này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Tập đoàn trả thay cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Trong kỳ, Tập đoàn đã thu lại khoản trả thay này.
- (b) Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn đã đặt cọc mua 1.123.890 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang, một công ty con, từ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Trong kỳ, Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận cổ phiếu và thực hiện việc mua các cổ phiếu này.
- (c) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (“Sơn Tín”). Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015. Khoản này thể hiện số tiền phải thu từ việc thanh lý cổ phiếu của Sơn Tín.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Hàng tồn kho

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Nguyên vật liệu	16.873.034.576	12.826.967.735
Công cụ và dụng cụ	35.644.250	354.817.154
Sản phẩm dở dang	5.250.723.533	3.976.910.637
Thành phẩm	294.128.926.187	322.899.553.128
Hàng hóa	12.468.277.066	16.192.081.147
	<hr/> 328.756.605.612	<hr/> 356.250.329.801

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 324.181 triệu VND (30/6/2014: 352.487 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	76.856.178.903	739.409.164.445	24.010.084.620	3.922.969.823	844.198.397.791
Tăng trong kỳ	5.292.153.327	4.758.051.658	1.128.125.455	727.900.000	11.906.230.440
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	19.322.124.675	41.810.720.071	799.090.909	-	61.931.935.655
Thanh lý	-	(1.409.361.989)	(933.642.365)	-	(2.343.004.354)
Xóa sổ	(313.200.000)	(712.075.691)	-	-	(1.025.275.691)
Giảm do thanh lý một công ty con	(20.732.985.571)	(108.670.832.524)	(14.572.926.632)	(2.333.202.174)	(146.309.946.901)
Số dư cuối kỳ	80.424.271.334	675.185.665.970	10.430.731.987	2.317.667.649	768.358.336.940
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	22.996.556.675	160.172.338.431	10.083.829.673	1.525.406.106	194.778.130.885
Khấu hao trong kỳ	7.354.166.898	59.461.387.733	2.532.485.083	630.362.035	69.978.401.749
Thanh lý	-	(798.226.874)	(695.893.032)	-	(1.494.119.906)
Xóa sổ	(310.590.000)	(682.729.491)	-	-	(993.319.491)
Giảm do thanh lý một công ty con	(5.218.612.774)	(42.608.371.809)	(8.359.110.976)	(1.147.216.305)	(57.333.311.864)
Số dư cuối kỳ	24.821.520.799	175.544.397.990	3.561.310.748	1.008.551.836	204.935.781.373
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	53.859.622.228	579.236.826.014	13.926.254.947	2.397.563.717	649.420.266.906
Số dư cuối kỳ	55.602.750.535	499.641.267.980	6.869.421.239	1.309.115.813	563.422.555.567



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 9.928 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (30/6/2014: 25.875 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 180.098 triệu VND (30/6/2014: 399.806 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	56.797.200.000
Tăng trong kỳ	717.774.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	57.514.974.000
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.893.240.000
Khấu hao trong kỳ	1.941.091.600
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.834.331.600
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	54.903.960.000
Số dư cuối kỳ	53.680.642.400
	<hr/>

Tập đoàn thuê một thiết bị sản xuất theo một hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối giai đoạn thuê của hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 23(b)).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.459.727.082	579.079.934	2.038.807.016
Tăng trong kỳ	-	78.000.000	78.000.000
Số dư cuối kỳ	1.459.727.082	657.079.934	2.116.807.016
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	808.831.781	320.263.704	1.129.095.485
Khấu hao trong kỳ	32.969.280	139.218.308	172.187.588
Số dư cuối kỳ	841.801.061	459.482.012	1.301.283.073
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	650.895.301	258.816.230	909.711.531
Số dư cuối kỳ	617.926.021	197.597.922	815.523.943

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 577 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (30/6/2014: 577 triệu đồng), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	13.628.217.660	250.275.077.058
Tăng trong kỳ	54.848.179.494	99.693.598.417
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(61.931.935.655)	(336.340.457.815)
Giảm do thanh lý một công ty con	(131.933.818)	-
Số dư cuối kỳ	6.412.527.681	13.628.217.660

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 2.670 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HIN

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu biểu quyết VND	Số lượng	% vốn chủ sở hữu biểu quyết VND
Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:				
▪ Công ty Cổ phần Mía đường 333	-	-	3.508.981	42,1%
▪ Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai	8.800.000	22,56%	8.800.000	22,56%
				99.502.325.450
				139.351.056.412
				<u>238.853.381.862</u>
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:				
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	8.050.000	13,39%	8.050.000	13,39%
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	116.648	0,2%	116.648	0,2%
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (a)	-	-	1.500.000	10%
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	420.000	14%	420.000	14%
				4.200.000.000
				<u>89.601.234.798</u>
Đầu tư dài hạn khác:				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (b)				-
				<u>138.601.234.798</u>
				<u>347.954.616.660</u>

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

- (a) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín. Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015.
- (b) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày gửi tiền. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND và hưởng lãi suất năm là 6,75% trong kỳ.

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	238.853.381.862	192.695.040.039
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	-	24.000.000.000
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	13.851.387.022	23.997.242.973
Phân bổ lợi thế thương mại	(3.677.802.299)	(1.838.901.150)
Cổ tức đã nhận	(4.400.000.000)	-
Thanh lý	(106.830.871.733)	-
Số dư cuối kỳ	137.796.094.852	238.853.381.862

Biến động các khoản đầu tư dài hạn khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	109.101.234.798	109.101.234.798
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	49.000.000.000	-
Thanh lý	(19.500.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	138.601.234.798	109.101.234.798

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị ghi sổ là 271 tỷ VND (30/6/2014: 263 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	9.389.672.100	4.365.890.877	13.755.562.977
Tăng trong kỳ	4.278.008.000	9.205.124.662	13.483.132.662
Phân bổ trong kỳ	(489.846.025)	(5.433.915.816)	(5.923.761.841)
Giảm do thanh lý một công ty con	-	(325.717.929)	(325.717.929)
Số dư cuối kỳ	13.177.834.075	7.811.381.794	20.989.215.869

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ 7.383 triệu VND (30/6/2014: 7.689 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

16. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.956.128.816
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.712.860.114
Phân bổ trong kỳ	1.591.225.763
Số dư cuối kỳ	5.304.085.877
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.243.268.702
Số dư cuối kỳ	2.652.042.939

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay ngắn hạn	732.943.152.423	733.795.321.740
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	45.723.122.130	38.877.500.296
	<hr/> 778.666.274.553	<hr/> 772.672.822.036

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	4,3% - 6,6%	70.000.000.000	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (b)	VND	5,5% - 6,5%	112.053.014.889	77.557.681.782
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (c)	VND	5,4% - 6,8%	144.247.530.960	132.552.257.824
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (d)	VND	3,5% - 6,2%	182.377.129.274	199.707.561.249
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (e)	VND	4,0% - 4,5%	99.987.758.049	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (f)	VND	5,4% - 6,7%	28.777.719.251	98.977.820.885
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (g)	VND	5,3% - 6,3%	74.000.000.000	36.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (h)	VND	5,3% - 6,5%	21.500.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,5%	-	20.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Ninh Thuận	VND	7%	-	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Ninh Thuận	VND	6,5%	-	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông – chi nhánh Đắk Lắk	VND	7,5%	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	7,9%	-	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	6,5%	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	VND	7,5%	-	10.900.000.000
			<hr/> 732.943.152.423	<hr/> 733.795.321.740

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 6.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 6.000.000 Đô la Mỹ (30/6/2014: 6.000.000 Đô la Mỹ), hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 16 tỷ VND (30/6/2014: 53 tỷ VND) và các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 54 tỷ VND (30/6/2014: 85 tỷ VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 138 tỷ VND (30/6/2014: 48 tỷ VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 5.049 triệu VND (30/6/2014: 5.996 triệu VND), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị là 84 tỷ VND (30/6/2014: 84 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị là 2 tỷ VND (30/6/2014: 2 tỷ VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 126 tỷ VND (30/6/2014: 136 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam với giá trị là 49 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 100 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan, và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 29 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 53 tỷ VND (30/6/2014: 53 tỷ VND) và các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (30/6/2014: 21 tỷ VND).
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (30/6/2014: không).

18. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải trả các bên liên quan	2.524.049.069	308.906.925

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.691.040.194	5.033.097.792
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.704.627.826
Thuế thu nhập cá nhân	16.750.000	86.801.598
Các loại thuế khác	159.341.200	206.096.520
	1.867.131.394	28.030.623.736

20. Chi phí phải trả

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí bổ sung cuối vụ cho nông dân trồng mía	19.524.231.742	19.741.466.580
Chi phí lãi vay	4.731.136.280	6.458.846.802
Chi phí vận chuyển	1.100.798.018	1.771.616.818
Phí tư vấn	251.111.112	1.053.725.416
Chi phí khác	1.156.438.598	2.348.956.109
	26.763.715.750	31.374.611.725

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả cho nông dân trồng mía	3.973.545.925	4.329.806.688
Cổ tức phải trả	2.847.996.800	33.222.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	378.200.000	294.200.000
Phải trả khác	855.919.356	1.753.367.641
	28.055.662.081	59.600.371.129

(*) Tập đoàn nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán năm 2015. Khoản ứng trước này chịu lãi suất năm 1,8% trong kỳ và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng tính từ ngày nhận khoản ứng trước.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	8.333.347.502	8.950.155.593
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	12.746.366.129	6.545.222.206
Trích lập từ lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ	1.623.014.389	-
Phân loại lại từ các khoản phải trả, phải nộp khác	1.109.044.441	-
Hoàn nhập trong kỳ	(500.000.000)	(815.089.079)
Sử dụng trong kỳ	(11.959.794.886)	(6.346.941.218)
Giảm do thanh lý một công ty con	(3.319.320.960)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.032.656.615	8.333.347.502

23. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn	121.390.604.269	169.676.860.543
Nợ thuê tài chính	47.849.093.072	53.163.260.002
	<hr/>	<hr/>
	169.239.697.341	222.840.120.545
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17)	(45.723.122.130)	(38.877.500.296)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	123.516.575.211	183.962.620.249

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam					
Khoản vay 1 (a)	VND	7,1% - 9%	2018	121.390.604.269	130.070.645.807
Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	10%	2017	-	6.414.996.136
Khoản vay 2	VND	10%	2018	-	26.162.500.000
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	10%	2018	-	7.028.718.600
Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1 (b)	VND	10%	2020	44.791.093.072	53.163.260.002
Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Quốc Tế					
Khoản vay 1 (c)	VND	8,5%	2018	3.058.000.000	-
				169.239.697.341	222.840.120.545

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại thị xã Ninh Hòa, được ghi nhận trong tài khoản chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 7.383 triệu VND (30/6/2014: 7.689 triệu VND) và công trình trên đất, được ghi nhận trong tài khoản tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5.027 triệu VND (30/6/2014: 5.689 triệu VND). Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 170 tỷ VND (30/6/2014: 301 tỷ VND).
- (b) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ.
- (c) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 6 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính này vẫn chưa lắp đặt xong.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2015 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	14.851.621.872	4.168.998.857	10.682.623.015
Trong vòng hai đến năm năm	45.231.077.119	8.064.607.062	37.166.470.057
Sau năm năm	53.012.096	53.012.096	-
	60.135.711.087	12.286.618.015	47.849.093.072
	30/6/2014 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	13.608.468.968	5.236.302.038	8.372.166.930
Trong vòng hai đến năm năm	45.360.458.565	11.871.790.845	33.488.667.720
Sau năm năm	12.047.490.068	745.064.716	11.302.425.352
	71.016.417.601	17.853.157.599	53.163.260.002

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.470.898.199	7.083.698.199

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	607.500.000.000	12.132.550.000	-	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	144.696.353.773	887.531.847.895
Tăng khác	-	33.000.000	-	-	-	-	-	33.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	108.914.243.719	108.914.243.719
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	815.089.079	815.089.079
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	-	(5.545.222.206)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.545.222.206)	(6.545.222.206)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(1.109.044.441)	(1.109.044.441)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	607.500.000.000	12.165.550.000	-	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	210.851.197.718	959.264.914.046

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	607.500.000.000	12.165.550.000	-	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	210.851.197.718	959.264.914.046
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	20.395.186.992	20.395.186.992
Ảnh hưởng của việc tăng khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	6.428.096.112	-	6.428.096.112
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.952.835.500	5.064.954.528	-	(11.017.790.028)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(12.746.366.129)	(12.746.366.129)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(94.501.500)	-	-	(94.501.500)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ (Thuyết minh 3(b))	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý một công ty con	-	-	289.100.000	-	-	-	-	289.100.000
	-	-	-	(1.775.761.945)	(887.880.973)	(4.811.167.105)	7.474.810.023	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	607.500.000.000	12.165.550.000	289.100.000	116.170.212.653	22.454.528.292	-	215.457.038.576	974.036.429.521

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	12.165.550.000	12.132.550.000
Tăng khác	-	33.000.000
Số dư cuối kỳ	12.165.550.000	12.165.550.000

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	46.200.592.428	29.925.235.720
(Lỗ)/lãi thuần trong kỳ	(3.992.132.163)	16.275.356.708
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	(1.623.014.389)	-
Ảnh hưởng của việc suy giảm lợi ích cổ đông thiểu số	(28.148.076.912)	-
Giảm do thanh lý một công ty con	(10.490.375.893)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.946.993.071	46.200.592.428

28. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	1.075.514.541.371	716.629.943.954
▪ Mật	71.720.680.819	68.483.306.174
▪ Mía giống	3.438.018.186	1.182.389.705
▪ Điện	46.823.695.111	25.682.811.459
▪ Bùn, tro, bã	12.534.821.242	10.154.739.866
▪ Phân bón	91.423.109.406	75.364.234.509
▪ Thuốc trừ sâu	5.318.925.570	5.432.762.136
▪ Khác	6.736.870.840	3.591.295.757
	<hr/>	<hr/>
	1.313.510.662.545	906.521.483.560
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(833.219.316)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.432.242.877)	-
	<hr/>	<hr/>
	(3.265.462.193)	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.310.245.200.352	906.521.483.560

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	897.362.097.866	543.377.324.558
▪ Mật	71.720.680.819	68.483.306.174
▪ Mía giống	5.304.301.839	2.354.097.252
▪ Điện	28.775.888.904	18.265.793.818
▪ Bùn, tro, bã	10.136.724.523	7.191.607.294
▪ Phân bón	86.965.739.473	72.555.758.611
▪ Thuốc trừ sâu	5.055.683.370	4.972.601.207
▪ Khác	7.768.279.150	3.561.526.779
	<hr/> 1.113.089.395.944	<hr/> 720.762.015.693

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	12.267.624.687	3.176.814.411
Thu nhập cổ tức	116.648.000	-
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	2.857.186.217	2.623.062.659
Lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	17.327.137.504	2.126.416.666
Lãi từ các khoản cho các công ty khác vay	7.165.614.920	9.462.104.302
Lãi do thanh toán chậm	7.844.360.227	5.972.971.373
Lãi từ khoản ứng trước để mua hàng hóa	2.050.454.800	907.309.499
Lãi từ thu nhập cổ tức	-	254.050.223
Doanh thu hoạt động tài chính khác	151.390.729	9.388.683
	<hr/> 49.780.417.084	<hr/> 24.532.117.816

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Chi phí tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	62.971.431.098	34.847.082.756
Lỗ từ thanh lý một công ty con (Thuyết minh 5)	26.399.237.438	-
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	61.428.194.733	-
Chi phí môi giới	6.018.169.541	-
Chi phí tài chính khác	2.302.889.994	485.137.768
	<hr/>	<hr/>
	159.119.922.804	35.332.220.524

32. Thu nhập khác

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	801.703.636	2.500.000.000
Thu nhập từ bán mía giống	1.106.190.687	382.895.000
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	2.914.306.068	55.170.000
Thu nhập khác	3.023.790.621	1.385.875.575
	<hr/>	<hr/>
	7.845.991.012	4.323.940.575

33. Chi phí khác

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	880.840.648	3.007.950.890
Giá vốn của vật tư thanh lý	444.442.560	119.406.484
Chi phí trồng mía giống	1.112.352.025	223.232.039
Chi phí khác	1.644.199.801	358.172.162
	<hr/>	<hr/>
	4.081.835.034	3.708.761.575

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	12.276.550.581	26.531.711.565
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(16.932.925.483)	-
	(4.656.374.902)	26.531.711.565
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập và phát sinh các chênh lệch tạm thời	387.200.000	1.574.041.154
	(4.269.174.902)	28.105.752.719

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	12.133.879.927	153.295.353.146
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.426.775.985	33.724.977.692
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.851.425.959	2.323.745.940
Thu nhập không bị tính thuế	(5.225.986.263)	(7.942.970.913)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(16.932.925.483)	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	611.534.900	-
	(4.269.174.902)	28.105.752.719

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

(ii) Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung và Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang

Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung và Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

(iii) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa

Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”) có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế cho giai đoạn hoạt động của Công ty tới năm 2028 và 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Nhiệt điện Ninh Hòa được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

(iv) Ninh Hoa Sugar Private Limited Company

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định phù hợp với các hướng dẫn và quy định có liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp tại Singapore.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 20.395.186.992 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 108.914.243.719 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.750.000 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 60.750.000), được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	20.395.186.992	108.914.243.719
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	20.395.186.992	108.914.243.719

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 Số cổ phiếu	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	60.750.000	60.750.000

36. Các công cụ tài chính

(a) **Quản lý rủi ro tài chính**

(i) *Tổng quan*

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Phần thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía và tiền gửi ngân hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	382.858.158.976	22.132.219.605
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)	2.000.000.000	22.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho một bên liên quan vay	-	105.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho bên thứ ba vay	-	17.000.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác (iii)	198.721.337.077	392.939.827.542
Trả trước cho người bán (iv)	80.154.529.251	155.640.543.078
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)	49.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	712.734.025.304	714.712.590.225

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích hợp nhất về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trong hạn	94.831.770.480	43.997.125.882
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	58.850.207.643	122.513.776.378
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	45.039.358.954	226.422.829.096
Quá hạn trên 180 ngày	-	6.096.186
	<hr/>	<hr/>
	198.721.337.077	392.939.827.542

(iv) Trả trước cho người bán

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng hộ nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ hộ nông dân được phân tích hợp nhất về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho hộ nông dân đó. Hơn nữa, hộ nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Hộ nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trong hạn	79.835.764.064	153.996.586.454
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	318.765.187	545.310.245
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	84.497.500
Quá hạn trên 180 ngày	-	1.014.148.879
	<hr/>	<hr/>
	80.154.529.251	155.640.543.078

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	1.467.215.094	1.422.924.336
Tăng dự phòng trong kỳ	882.045.071	44.290.758
Hoàn nhập	(191.326.782)	-
Giảm do thanh lý một công ty con	(1.997.629.660)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	160.303.723	1.467.215.094

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	732.943.152.423	741.730.810.253	741.730.810.253	-	-	-
Phải trả người bán	42.094.377.671	42.094.377.671	42.094.377.671	-	-	-
Phải trả người lao động	11.847.743.488	11.847.743.488	11.847.743.488	-	-	-
Chi phí phải trả	26.763.715.750	26.763.715.750	26.763.715.750	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.055.662.081	28.055.662.081	28.055.662.081	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay và nợ dài hạn	169.239.697.341	197.045.419.356	60.429.389.520	51.808.466.209	84.754.551.531	53.012.096
	1.010.944.348.754	1.047.537.728.599	910.921.698.763	51.808.466.209	84.754.551.531	53.012.096

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	733.795.321.740	744.732.155.101	744.732.155.101	-	-	-
Phải trả người bán	85.897.863.210	85.897.863.210	85.897.863.210	-	-	-
Phải trả người lao động	11.206.535.630	11.206.535.630	11.206.535.630	-	-	-
Chi phí phải trả	31.374.611.725	31.374.611.725	31.374.611.725	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.600.371.129	59.600.371.129	59.600.371.129	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay và nợ dài hạn	222.840.120.545	279.127.627.956	66.671.538.360	65.582.890.867	134.825.708.661	12.047.490.068
	1.144.714.823.979	1.211.939.164.751	999.483.075.155	65.582.890.867	134.825.708.661	12.047.490.068

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Tập đoàn được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	347.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	144.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	49.000.000.000	-
Trả trước cho người bán	80.154.529.251	155.640.543.078
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	458.154.529.251	279.640.543.078
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	35.858.158.976	22.132.219.605
Phải thu khách hàng	21.383.945.250	297.242.853.270
Vay ngắn hạn	(732.943.152.423)	(733.795.321.740)
Vay và nợ dài hạn	(169.239.697.341)	(222,840,120,545)
	<hr/>	<hr/>
	(844.940.745.538)	(637.260.369.410)
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 6,76 tỷ VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (30/6/2014: 4,97 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	383.065.213.383	22.460.781.583
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	144.000.000.000
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	49.000.000.000	-
- Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	198.721.337.077	392.939.827.542
- Trả trước cho người bán	80.154.529.251	155.640.543.078
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	89.601.234.798	109.101.234.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	70.150.039.752	145.498.234.339
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	38.611.459.238	42.581.147.355
- Các khoản vay và nợ	902.182.849.764	956.635.442.285

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, trả trước cho người bán, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Vay và nợ dài hạn và các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu*

Thuyết minh	30/6/2015		30/6/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (i)	1.401.234.798	1.563.083.200	1.401.234.798	1.399.776.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (ii)	84.000.000.000		84.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (ii)	-		19.500.000.000	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (ii)	4.200.000.000		4.200.000.000	
	89.601.234.798	1.563.083.200	109.101.234.798	1.399.776.000

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.
- (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên thị trường. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

37. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Cổ tức phải trả	-	30.375.000.000
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	25.488.584.520	14.770.694.808
Tăng tài sản cố định chuyển từ tài khoản trả trước cho người bán	1.264.000.000	30.366.707.350
Thanh lý tài sản cố định nhưng chưa thu được	1.306.250.000	1.828.750.000
Thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn nhưng chưa thu được	51.268.888.000	-

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	159.386.990.708	396.691.147.091
Mua tài sản cố định	-	151.191.000
Thanh lý tài sản cố định	-	1.900.000.000
Phí dịch vụ tư vấn	10.423.662.756	497.000.000
Lãi do thanh toán chậm	2.993.580.130	5.904.546.373
Cho vay ngắn hạn	316.000.000.000	179.113.187.111
Thu nhập lãi vay	17.327.137.504	2.126.416.666
Mua hàng hóa và dịch vụ khác	67.111.900	297.434.114
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai		
Thu nhập từ cổ tức	4.400.000.000	-
Góp vốn	-	24.000.000.000
Thanh lý tài sản cố định	-	600.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.159.541.613	-
Bán hàng hóa	6.114.285.600	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng hóa	755.500.391.181	286.682.379.839
Mua tài sản cố định	638.983.357	256.142.217
Mua hàng hóa	16.064.996	-
Cổ tức đã trả	200.460.000	-
Thu nhập từ cổ tức	116.648.000	-
Nhận ứng trước tiền mua hàng	110.000.000.000	274.000.000.000
Chi phí lãi từ khoản nhận ứng trước tiền mua hàng	2.467.482.348	4.201.429.452
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thù lao	10.115.892.888	7.137.815.080

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	47.772.607.980	60.785.973.020

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	942.542.310.630	810.392.041.279
Chi phí nhân công	83.525.325.776	45.292.177.679
Chi phí khấu hao và phân bổ	73.682.906.700	35.549.040.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.957.065.559	19.530.852.003
Chi phí khác	68.999.222.923	21.276.390.957

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trần Kim Dũng

